

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2024/HS-ST
Ngày: 11-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Hưng.

Ông Phạm Văn Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Đàm Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Mã Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại phòng xét xử số 01, trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Hà Văn Đ (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 15/01/1996, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 4/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn N, sinh năm 1969 và bà Hoàng Thị L, sinh năm 1970; vợ Lê Mỹ G, sinh năm 2000; có 01 con, sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không có, nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/3/2024 đến nay. Có mặt.

2. Hà Văn T (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 18/11/1978, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 05/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn K, sinh năm 1935 (đã chết) và bà Vy Thị C, sinh năm 1933 (đã chết); vợ: Hà Thị H, sinh năm 1980; con: con lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hữu Lũng từ ngày 14/3/2024 đến ngày 22/3/2024 được thay đổi, áp dụng biện pháp

Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

3. Triệu Văn T (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 06/12/1990, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn L, sinh năm 1970 và bà Hoàng Thị N, sinh năm 1968; vợ: Hoàng Thị Mỹ N, sinh năm 1997; con: có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hữu Lũng từ ngày 14/3/2024 đến ngày 22/3/2024 được thay đổi, áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

4. Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 18/7/1989, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1965 và bà Hoàng Thị V, sinh năm 1964; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hữu Lũng từ ngày 14/3/2024 đến ngày 22/3/2024 được thay đổi, áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

5. Lưu Văn T (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 10/5/1992, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn G, sinh năm 1966 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1966; vợ: Nông Thị T, sinh năm 1992; có 01 con, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hữu Lũng từ ngày 14/3/2024 đến ngày 22/3/2024 được thay đổi, áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

6. Hà Văn D (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 05/3/1988, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn P, sinh năm 1966 (đã chết) và bà Linh Thị L, sinh năm 1966; vợ: Đàm Thị T, sinh năm 1987, con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hữu Lũng từ ngày 14/3/2024 đến ngày 22/3/2024 được thay đổi, áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

7. Đàm Văn T (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 03/3/1986, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn

giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Văn T, sinh năm 1956 và bà Triệu Thị N, sinh năm 1957; vợ: Chu Thúy H, sinh năm 1989, con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hữu Lũng từ ngày 14/3/2024 đến ngày 22/3/2024 được thay đổi, áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

8. Hà Văn S (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 11/6/1985, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 4/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn L, sinh năm 1939 và bà Tô Thị H, sinh năm 1944 (đã chết); vợ: Triệu Thị T, sinh năm 1989, con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 67/2017/HSST ngày 30/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng xử phạt 02 năm tù cho hưởng án treo thử thách 04 năm về tội cố ý gây thương tích; về nghĩa vụ dân sự: Bồi thường 12.500.000 đồng cho bị hại. Đã chấp hành xong ngày 30/8/2021. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/3/2024 đến nay. Có mặt.

9. Hà Văn C (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 22/5/1990, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn Pay, sinh năm 1966 (đã chết) và bà Linh Thị Liên, sinh năm 1966; vợ: Hoàng Thị Héo, sinh năm 1994, con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hữu Lũng từ ngày 14/3/2024 đến ngày 22/3/2024 được thay đổi, áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

10. Hoàng Văn T (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 21/01/1997, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn R, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn N, sinh năm 1972 và bà Linh Thị V, sinh năm 1976; vợ: Lương Thị Tú Y, sinh năm 1998, con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/3/2024 đến nay. Có mặt.

11. Hà Văn S (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 17/5/1983, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn C, sinh năm 1957 (đã chết) và bà Hoàng Thị S, sinh năm 1956; vợ: Lê Thị H, sinh năm 1988, con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không;

nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hữu Lũng từ ngày 22/3/2024 đến ngày 02/5/2024 thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. Có mặt.

12. Vương Văn V (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 02/9/1992, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vương Văn M (đã chết) và bà Chu Thị L, sinh năm 1961 (đã chết); vợ: Triệu Thị N, sinh năm 1997, con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/3/2024 đến nay. Có mặt.

13. Hà Văn M (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 30/12/2000, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn T, sinh năm 1978 và bà Hà Thị H, sinh năm 1980; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hữu Lũng từ ngày 14/3/2024 đến ngày 22/3/2024 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

14. Lê Văn L (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 18/10/1982, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M, sinh năm 1960 (đã chết) và bà Hoàng Thị L, sinh năm 1960; vợ: Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1983, con: Có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/3/2024 đến nay. Có mặt.

15. Hà Văn T (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 04/9/2002, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn T, sinh năm 1978 và bà Đàm Thị N, sinh năm 1978; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/3/2024 đến nay. Có mặt.

16. Hà Văn L (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 06/02/1990, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn C, sinh năm 1954 (đã chết)

và bà Hoàng Thị S, sinh năm 1956; vợ: Lưu Hồng T, sinh năm 1990; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/3/2024 đến nay. Có mặt.

17. Hoàng Văn K (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 14/7/1997, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn C, sinh năm 1975 và bà Triệu Thị L, sinh năm 1977; vợ: Lâm Thị M, sinh năm 1998; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/3/2024 đến nay. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1956. Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 14/3/2024, sau khi ăn cỗ cùng một số anh em họ hàng, người quen tại gia đình bà Hoàng Thị S; Hà Văn Đ nảy sinh ý định đánh “xóc đĩa” nên đã vào bếp lấy dao, bút đi lấy mảnh tre làm quân vị; Hà Văn T lấy bát và đĩa ở góc cây nhãn để làm dụng cụ đánh bạc. Sau khi chuẩn bị xong, Hà Văn Đ và Hà Văn T cùng nhau đi ra khu ruộng nhà ông Là Văn Đ cách nhà bà Hoàng Thị S khoảng 50m; Nguyễn Văn T, Hoàng Văn K, Hà Văn C, Hoàng Văn T biết là đi đánh bạc nên đi theo, Hoàng Văn K thấy ở bờ rào có vỏ bao tơ dứa thì cầm đi theo và đưa cho Hà Văn T trải xuống ruộng, sau đó đặt bát đĩa xuống tiện thể để đánh bạc dưới hình thức “xóc đĩa”.

Bắt đầu tham gia đánh bạc Nguyễn Văn T là người “xóc cái” đánh chặn lẻ đặt cái ít nhất là 10.000đ (mười nghìn đồng), nhiều nhất là 100.000đ (một trăm nghìn đồng), Hà Văn Đ, Hà Văn T, Hoàng Văn K, Hà Văn C đặt tiền đánh bạc (Hoàng Văn T đứng xem). Sau đó, lần lượt Lê Văn L, Lý Văn T, Đàm Văn T, Triệu Văn T, Hà Văn M, Hà Văn T, Hà Văn D, Hà Văn S, Hà Văn S1 đến tham gia đánh bạc. Đánh được một lúc thì Lê Văn L, Hoàng Văn K, Hà Văn Đ, Hà Văn T nghỉ đánh ra về trước và có thêm Hoàng Văn T, Hà Văn L, Vương Văn V đến tham gia đánh bạc, lúc này Nguyễn Văn T chuyển cho Triệu Văn T “xóc cái”.

Đến 15 giờ cùng ngày, Công an huyện Hữu Lũng phát hiện bắt giữ được Triệu Văn T, Hà Văn D, Nguyễn Văn T, Hà Văn C, Lý Văn T, Hà Văn M, Hà

Văn T, Đàm Văn T còn Hà Văn S1, Hoàng Văn T, Vương Văn V, Hà Văn L, Hà Văn S chạy thoát.

Thu giữ tại chiếu bạc: 01 vỏ bao tơ dừa, 1.800.000 đồng, 01 bát và 01 đĩa bằng sứ, 04 quân vị được làm bằng mảnh tre. Thu giữ trên người: Triệu Văn T 5.000.000 đồng, Hà Văn D 500.000 đồng, Hà Văn C 200.000 đồng, Đàm Văn T 100.000 đồng, Lý Văn T 1.580.000 đồng, Hà Văn M 300.000 đồng.

Quá trình điều tra Hà Văn T đã tự giác giao nộp 300.000 đồng, Hà Văn S1 nộp 400.000 đồng, Lê Văn L nộp 150.000 đồng là tiền đã sử dụng đánh bạc.

Hình thức đánh “xóc đĩa” được quy định như sau: Dùng 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và 04 quân vị một mặt màu nâu một mặt màu đen một người cầm cái (xóc đĩa), quy định bên phải người cầm cái là cửa chắn, bên trái là cửa lẻ. Khi bắt đầu một ván bạc, người cầm cái cho bốn quân vị vào trong đĩa sau đó úp bát lên rồi xóc; xóc xong đặt xuống chiếu để những người đánh bạc đặt tiền theo cửa chắn hoặc cửa lẻ tùy chọn, mức tối thiểu là 10.000 đồng tối đa không hạn chế. Sau khi đặt tiền xong, người cầm cái hoặc người đánh bạc bất kỳ mở bát, nếu quân vị ra số chắn thì những người đặt cửa chắn thắng tiền, cửa lẻ thua tiền và ngược lại. Chắn là khi có cả bốn quân vị cùng màu hoặc hai quân mặt nâu, hai quân mặt đen, lẻ là có ba quân vị cùng màu còn một quân khác màu. Người cầm cái sẽ lấy tiền của người thua trả cho người thắng, tỷ lệ là 01 ăn 01, còn thừa thì người cầm cái được hưởng, nếu thiếu thì bỏ tiền ra bù.

Quá trình điều tra đã làm rõ: Khi đánh bạc, số tiền các bị cáo đã sử dụng là Triệu Văn T 2.400.000đ, Lưu Văn T 980.000đ, Hà Văn Đ 800.000đ, Hà Văn D 700.000đ, Nguyễn Văn T 700.000đ, Đàm Văn T 700.000đ, Hà Văn S 700.000đ, Hà Văn T 600.000đ, Hà Văn C 600.000đ, Hoàng Văn T 540.000đ (trong khi đang đánh bạc đã mượn thêm của Hà Văn T 500.000đ tiền T thắng bạc mà có), Hà Văn S1 410.000đ, Vương Văn V 400.000đ, Hà Văn M 350.000đ (trong khi đánh bạc mượn thêm Nguyễn Văn T 50.000 đồng tiền Nguyễn Văn T thắng bạc mà có), Lê Văn L 300.000đ, Hà Văn T 200.000đ, Hà Văn L 100.000đ, Hoàng Văn K 50.000đ. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 9.980.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 57/CT-VKSHL ngày 10/6/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố 17 bị cáo về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Hoàng Thị S trình bày không có yêu cầu gì đối với đồ vật bị thu giữ gồm Bát và Đĩa sứ, không yêu cầu các bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân; trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn trình bày lời luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và

đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét:

- Về tội danh: Đề nghị tuyên bố 17 bị cáo phạm tội Đánh bạc.

- Về hình phạt:

+Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Hà Văn Đ từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng.

+Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt các bị cáo Triệu Văn T, Nguyễn Văn T từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng.

+Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Hà Văn S từ 13 đến 16 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 26 đến 32 tháng.

+Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt các bị cáo Hà Văn T, Lưu Văn T từ 13 tháng đến 16 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 26 đến 32 tháng.

+Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt các bị cáo Hà Văn D, Đàm Văn T, Hà Văn C, Hoàng Văn T, Hà Văn S, Vương Văn V, Hà Văn M từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

+Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 36, 50, 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt các bị cáo Lê Văn L, Hà Văn T, Hà Văn L, Hoàng Văn K từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo.

Giao các bị cáo xử án treo và cải tạo không giam giữ cho UBND xã nơi các bị cáo cư trú phối hợp với gia đình, quản lý, giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Các bị cáo không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

- *Xử lý vật chứng*: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự ; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 9.980.000đ là tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc.

+Tịch thu tiêu hủy: 01 bát và 01 đĩa bằng sứ, 04 quân vị, 01 vỏ bao tơ dứa;

+ Trả lại Lưu Văn T 350.000đ vì không liên quan đến hành vi đánh bạc.

- Về án phí: các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến đối đáp, tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đã nhận thức được hành vi của bản thân là sai trái, vi phạm pháp luật ảnh hưởng đến gia đình, xã hội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, xin được cải tạo tại địa phương để giúp đỡ gia đình, tự học tập cải tạo trở thành người có ích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại đối với quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng nên các quyết định, hành vi tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Hoàng Thị S; xét thấy, hồ sơ đã có lời khai, lời trình bày; việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp giữa các lời khai của những người tham gia đánh bạc, biên bản sự việc, vật chứng bị thu giữ đồng thời hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; có đủ cơ sở để xác định:

[4] Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 14/3/2024, Hà Văn Đ, Hà Văn T, Triệu Văn T, Nguyễn Văn T, Lưu Văn T, Hà Văn D, Đàm Văn T, Hà Văn S, Hà Văn C, Hoàng Văn T, Hà Văn S1, Vương Văn V, Hà Văn M, Lê Văn L, Hà Văn T, Hà Văn L và Hoàng Văn K đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức “xóc đĩa” sát phạt nhau được thua bằng tiền. Trong đó Hà Văn Đ, Hà Văn T nảy sinh ý định và chuẩn bị dụng cụ đánh bạc; Nguyễn Văn T và Triệu Văn T thay nhau “xóc cái” (xóc đĩa phân định chẵn lẻ để các bị cáo khác đánh bạc). Một số tham gia ban đầu đã tự ý nghỉ đi về nhà, số còn lại đánh bạc đến 15 giờ cùng ngày thì bị Công an huyện Hữu Lũng phát hiện bắt giữ; tổng số tiền đã sử dụng đánh bạc là 9.980.000 đồng.

[5] Hành vi của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến an ninh trật tự công cộng, là nguyên nhân tiền đề phát sinh thiệt hại về kinh tế và

các loại tội phạm khác. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp vì mục đích hám lợi, mong muốn kiếm tiền một cách nhanh chóng, bất chính, bất chấp pháp luật.

[6] Từ các phân tích nêu trên đảm bảo căn cứ kết luận, hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội đánh bạc với số tiền 9.980.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng đã truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[7] *“Điều 321. Tội đánh bạc*

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”

[8] Để quyết định hình phạt ngoài việc xem xét, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của các bị cáo, cần phải xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để cá thể hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt, cụ thể:

[9] Về nhân thân: Bị cáo Hà Văn S đã từng bị xử phạt 02 năm tù cho hưởng án treo về tội cố ý gây thương tích, đã chấp hành xong bản án và được coi là đương nhiên đã xóa án tích theo quy định. 16 bị cáo còn lại đều có nhân thân tốt chưa từng có tiền án, tiền sự trình độ văn hóa thấp phần lớn học hết lớp 4-5/12.

[10] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[11] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, cả 17 bị cáo đều thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội và thể hiện thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Hà Văn Đ, Hà Văn T, Triệu Văn T, Nguyễn Văn T, Lưu Văn T, Hà Văn D, Đàm Văn T, Hà Văn C, Hoàng Văn T, Hà Văn S1, Vương Văn V, Hà Văn M, Lê Văn L, Hà Văn T, Hà Văn L và Hoàng Văn K phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[12] Bị cáo Hà Văn Đ có bố đẻ là ông Hà Văn N được tặng thưởng Huân chương Chiến công Hạng ba; bị cáo Hà Văn S có anh trai được tặng Huân

chương chiến công hạng Ba, quá trình sinh sống ở địa phương tham gia đầy đủ và đóng góp, ủng hộ các quỹ thiện nguyện của địa phương, quỹ đền ơn đáp nghĩa trên địa bàn và có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình nuôi cha già và 02 con chưa thành niên nên được xem xét, cho hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[13] Hình phạt chính: Trên cơ sở xem xét, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy:

[14] Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Các bị cáo phạm tội bột phát, đều là anh em họ trong gia đình đến nhà bà Hoàng Thị S ăn cơm “*làm then*”, nên không có sự bàn bạc phân công tổ chức mà đều giữ vai trò người thực hành, cũng không có sự xúi giục, rủ rê mà chỉ là khi cùng nhau ăn cơm, uống rượu thấy có tụ tập thì tự kéo đến cùng tham gia. Xét vai trò của các bị cáo, trong đó Hà Văn Đ là bị cáo có vai trò chính, là người nảy sinh ý định đánh “*xóc đĩa*” đầu tiên, chủ động chuẩn bị dụng cụ (lấy dao, bút đi lấy mảnh tre làm quân vị) đánh bạc; tuy nhiên bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ, không rủ rê các bị cáo khác tham gia, mà do các bị cáo cùng đến ăn cơm tự rủ nhau cùng tham gia đánh bạc; bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, chưa từng bị xử phạt vi phạm hành chính, trình độ văn hóa thấp, là lao động chính là trụ cột trong gia đình nuôi dưỡng bố mẹ già và các con chưa thành niên. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có 03 tình tiết giảm nhẹ trong đó có 02 tình tiết tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; quá trình tham gia đánh bạc bị cáo đã tự ý nghỉ đánh bạc và ra về trước khi bị bắt nên Hội đồng xét xử quyết định hình phạt tù trên mức khởi điểm của khung hình phạt, nhưng không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương, ấn định gấp đôi thời gian thử thách đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe, ngăn ngừa chung tội phạm.

[15] Các bị cáo Triệu Văn T, Nguyễn Văn T và Hà Văn T là người tham gia đánh bạc với vai trò tích cực (bị cáo Triệu Văn T là người cầm cái, sử dụng số tiền đánh bạc nhiều nhất trong vụ án (2.400.000đ) và tham gia đánh bạc từ đầu đến khi bị bắt; bị cáo Nguyễn Văn T tham gia đánh bạc với vai trò cầm cái, sau đó chuyển cho Triệu Văn T; Hà Văn T là người cầm theo bát, đĩa và tham gia đánh bạc đến khi bị bắt, đều phạm tội thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51, không có tình tiết tăng nặng, nên cần xét xử hình phạt tù với mức hình phạt phân hóa mức độ nghiêm trọng của việc “*xóc cái*” và số tiền đánh bạc, nhưng không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương, ấn định gấp đôi thời gian thử thách đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe, ngăn ngừa chung tội phạm.

[16] Bị cáo Hà Văn S là người có nhân thân không tốt, bị cáo có vai trò thứ yếu trong vụ án, số tiền tham gia đánh bạc không lớn (700.000đ), có nơi cư trú rõ ràng, có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và 02 tình tiết tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng nên xem xét áp dụng hình phạt tù với mức hình phạt tương xứng, nhưng không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương, ấn định gấp đôi thời gian thử thách đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe, ngăn ngừa chung tội phạm.

[17] Đối với các bị cáo Lưu Văn T, Hà Văn D, Đàm Văn T, Hà Văn C, Hoàng Văn T, Hà Văn S, Vương Văn V, Hà Văn M, tham gia với vai trò thứ yếu, là người tham gia đánh bạc, số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc không nhiều, không có tình tiết tăng nặng, có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần xét xử hình phạt tù trên mức khởi điểm của khung hình phạt thấp hơn nhóm bị cáo đầu vụ phía trên, nhưng không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương. Đối với các bị cáo Lê Văn L, Hà Văn T, Hà Văn L, Hoàng Văn K xác định có vai trò thấp nhất trong vụ án bởi số tiền đánh ít, quá trình tham gia được một lúc thì tự nghỉ thôi không đánh bỏ về nhà, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt; Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ với mức hình phạt tương xứng số tiền tham gia đánh bạc và không khấu trừ thu nhập do các bị cáo không có tài sản riêng, công việc thu nhập ổn định.

[18] Về hình phạt bổ sung: Theo các Biên bản xác minh ngày 15 và 16/4/2024 xác định tất cả các bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản đảm bảo cho công tác thi hành án.

[19] Xử lý vật chứng: Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền 9.980.000 đồng là công cụ các bị cáo sử dụng để phạm tội. Tịch thu, tiêu hủy đĩa sù, bát sù, mảnh bao tơ dứa và 04 quân vị làm bằng thanh tre là phương tiện sử dụng đánh bạc và không còn giá trị sử dụng.

[20] Trả lại số tiền 35.000đ thu của Lý Văn T được mẹ đưa cho để mua phân bón không liên quan đến việc đánh bạc.

[21] Con người, sự việc liên quan: Địa điểm đánh bạc tại ruộng gia đình ông Là Văn Đ, việc các bị cáo tự đến đánh bạc ông Là Văn Đ không biết và không được hưởng lợi nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự. Đối với bát và đĩa sù là của gia đình bà Hoàng Thị S, Hà Văn T tự lấy đi sử dụng đánh bạc gia đình bà Hoàng Thị S không biết và cũng không có yêu cầu bồi hoàn giá trị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[22] Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1

Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[23] Đề nghị giảm nhẹ hình phạt xin được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ trong lời nói sau cùng của các bị cáo đã được Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc trong quá trình nghị án.

[24] Những nội dung đề nghị luận tội và các căn cứ áp dụng, xử lý các vấn đề liên quan của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa phù hợp với các nhận định nêu trên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[25] Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hà Văn Đ.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hà Văn S.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Hà Văn T, Triệu Văn T, Nguyễn Văn T, Lưu Văn T, Hà Văn D, Đàm Văn T, Hà Văn C, Hoàng Văn T, Hà Văn S, Vương Văn V và Hà Văn M.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 36, 50, 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Văn L, Hà Văn T, Hà Văn L và Hoàng Văn K.

Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, b, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 điều 136; các Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tội danh.

Tuyên bố các bị cáo Hà Văn Đ, Hà Văn T, Triệu Văn T, Nguyễn Văn T, Lưu Văn T, Hà Văn D, Đàm Văn T, Hà Văn S, Hà Văn C, Hoàng Văn T, Hà Văn S1, Vương Văn V, Hà Văn M, Lê Văn L, Hà Văn T, Hà Văn L và Hoàng Văn K phạm tội Đánh bạc.

2. Hình phạt.

2.1. Xử phạt bị cáo Hà Văn Đ 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 08 (tám) tháng, thời hạn chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/7/2024.

2.2. Xử phạt bị cáo Triệu Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/7/2024.

2.3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/7/2024.

2.4. Xử phạt bị cáo Hà Văn T 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng, thời hạn chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/7/2024.

2.5. Xử phạt bị cáo Hà Văn S 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng, thời hạn chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/7/2024.

2.6. Xử phạt bị cáo Lưu Văn T 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, thời hạn chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/7/2024.

2.7. Xử phạt bị cáo Hà Văn D 10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 08 (tám) tháng, thời hạn chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/7/2024.

2.8. Xử phạt bị cáo Đàm Văn T 10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 08 (tám) tháng, thời hạn chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/7/2024.

2.9. Xử phạt bị cáo Hà Văn C 10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 08 (tám) tháng, thời hạn chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/7/2024.

2.10. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 08 (tám) tháng, thời hạn chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/7/2024.

2.11. Xử phạt bị cáo Hà Văn S1 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/7/2024.

2.12. Xử phạt bị cáo Vương Văn V 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/7/2024.

2.13. Xử phạt bị cáo Hà Văn M 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/7/2024.

Giao các bị cáo Hà Văn Đ, Hà Văn T, Triệu Văn T, Nguyễn Văn T, Hà Văn D, Đàm Văn T, Hà Văn S, Hà Văn C, Hoàng Văn T, Hà Văn S, Vương Văn

V, Hà Văn M cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn và bị cáo Lưu Văn T cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, để các ủy ban nhân dân xã nơi cư trú thực hiện việc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Gia đình người được hưởng án treo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú trong việc giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 68 Luật Thi hành án hình sự.

2.14. Xử phạt bị cáo Lê Văn L 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ.

2.15. Xử phạt bị cáo Hà Văn T 14 (mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ.

2.16. Xử phạt bị cáo Hà Văn L 13 (mười ba) tháng cải tạo không giam giữ.

2.17. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn K 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Lê Văn L, Hà Văn T, Hà Văn L, Hoàng Văn K.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án. Trong trường hợp người bị kết án cải tạo không giam giữ vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

III. Xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước:

Số tiền 9.980.000đ (chín triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng).

3.2. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) Đĩa sứ màu trắng, đường kính 21cm, đã qua sử dụng.
- 01 (một) Bát sứ màu trắng, có hoa văn màu đỏ, đường kính 11,8cm đã qua sử dụng.
- 01 (một) mảnh bao tơ dứa màu đỏ, đã qua sử dụng, kích thước (110x90) cm.

- 04 (bốn) quân vị làm bằng thanh tre, một mặt màu nâu, một mặt màu đen, kích thước (1,8x1,3)cm.

3.3 Trả lại tiền, tài sản:

Trả lại cho Lưu Văn T số tiền 350.000đ (ba trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng tạm giữ một phần tương ứng số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) để đảm bảo thi hành án đối với khoản tiền án phí.

(Các vật chứng cùng số tiền hiện đang Lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn và được mô tả chi tiết theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 13/6/2024).

IV. Án phí: Buộc các bị cáo Hà Văn Đ, Hà Văn T, Triệu Văn T, Nguyễn Văn T, Lưu Văn T, Hà Văn D, Đàm Văn T, Hà Văn S, Hà Văn C, Hoàng Văn T, Hà Văn S, Vương Văn V, Hà Văn M, Lê Văn L, Hà Văn T, Hà Văn L và Hoàng Văn K, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà nước.

V. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Công an huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các bị cáo:.....;
- Người có QL&NVLQ:.....;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Mạnh Cường